

Số: 71 /2021/CV-KT

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2021

"V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế lớn hơn  
10% so với cùng kỳ năm trước"

**Kính gửi :** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (Mã chứng khoán: TJC) xin giải trình nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 lớn hơn 10% so với cùng kỳ năm trước như sau:

6 tháng đầu năm 2021, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty khởi sắc rất nhiều so với cùng kỳ năm trước, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty đạt 4,67 tỷ đồng, trong khi quý II/2020 Công ty chỉ lãi 5,2 triệu đồng. Có được kết quả khả quan này đến từ những nguyên nhân sau:

Thị trường vận tải biển đang trong giai đoạn phục hồi trở lại từ cuối quý I/2021, nhu cầu vận chuyển và giá cước vận tải cũng bắt đầu tăng trưởng mạnh mẽ. Trước tình hình đó, Công ty đã rất nỗ lực tận dụng cơ hội của thị trường, tập trung tối đa trong khai thác các tuyến vận tải quốc tế vận chuyển hàng xuất nhập khẩu có hiệu quả cao hơn các tuyến vận chuyển nội địa, tăng thời gian vận doanh của đội tàu cũng như duy trì tình trạng kỹ thuật cho các tàu ổn định, đội tàu được khai thác hiệu quả hơn, giảm thiểu thời gian chạy rỗng và thời gian chờ đợi cầu bến. Giá cước vận tải tăng bình quân 2-3 USD/tấn. Kết thúc 6 tháng đầu năm 2021, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đạt 62,9 tỷ đồng, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước trong khi giá vốn hàng bán quý này là 29,4 tỷ đồng, chỉ tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng báo cáo!

**Nơi nhận**

- Như k/g
- Lưu KT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



GIÁM ĐỐC  
*Lê Tất Hùng*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 06 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Duy Hiệp	Chủ tịch
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tất Hưng	Ủy viên
Bà Phạm Thị Anh Thư	Ủy viên
Ông Nguyễn Bảo Trung	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc
Ông Phan Duy Văn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Hồng Quang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên	Miễn nhiệm Trưởng Ban kiểm soát ngày 27/04/2021
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Đan Hải Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Tất Hưng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2021

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được lập ngày 20 tháng 07 năm 2021, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền *[Signature]*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>69.181.845.917</b>	<b>44.272.096.450</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>12.089.740.660</b>	<b>10.176.461.528</b>
111	1. Tiền		4.589.740.660	5.676.461.528
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.500.000.000	4.500.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>43.137.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	43.137.000.000	21.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.690.503.328</b>	<b>5.411.953.584</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.652.484.675	4.220.575.254
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	100.412.639	589.328.614
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.205.807.644	870.251.346
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(268.201.630)	(268.201.630)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	<b>5.169.564.839</b>	<b>4.299.440.669</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.169.564.839	4.299.440.669
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.095.037.090</b>	<b>3.384.240.669</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	575.169.837	490.726.612
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.416.284.504	2.789.931.308
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	103.582.749	103.582.749
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>55.038.037.897</b>	<b>63.111.921.517</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>95.500.000</b>	<b>95.500.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	95.500.000	95.500.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>52.891.330.294</b>	<b>59.207.035.978</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	45.590.743.077	51.897.282.093
222	- Nguyên giá		154.232.979.758	154.232.979.758
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(108.642.236.681)	(102.335.697.665)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	7.300.587.217	7.309.753.885
228	- Nguyên giá		7.310.296.000	7.310.296.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.708.783)	(542.115)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.051.207.603</b>	<b>3.809.385.539</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.051.207.603	3.809.385.539
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>124.219.883.814</b>	<b>107.384.017.967</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>24.020.252.258</b>	<b>11.729.261.358</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>24.020.252.258</b>	<b>10.709.929.358</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	8.721.835.334	7.729.794.083
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	221.591.263	200.453.441
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.510.650	44.110.917
314	4. Phải trả người lao động		2.775.310.272	1.454.883.797
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	336.830.451	148.131.908
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	179.099.103	727.969.707
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	8.825.313.773	-
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	2.548.330.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		405.431.412	404.585.505
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>1.019.332.000</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	19	-	1.019.332.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>100.199.631.556</b>	<b>95.654.756.609</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	20	<b>100.199.631.556</b>	<b>95.654.756.609</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.007.985.000	5.007.985.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.166.356.695	8.057.985.173
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.025.289.861	(3.411.213.564)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.649.630.912)	(5.578.644.012)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		4.674.920.773	2.167.430.448
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>124.219.883.814</b>	<b>107.384.017.967</b>

*[Handwritten signature]*



Phan Thị Nha Trang  
 Người lập

Trần Thị Thanh Nhàn  
 Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng  
 Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	62.914.226.728	54.465.891.368
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.914.226.728	54.465.891.368
11	4. Giá vốn hàng bán	23	55.266.623.428	51.520.129.115
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.647.603.300	2.945.762.253
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.207.775.424	967.118.438
22	7. Chi phí tài chính	25	33.458.975	618.104.516
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		16.193.929	558.555.555
25	8. Chi phí bán hàng	26	952.367.220	747.836.220
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	3.191.308.548	2.962.310.714
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.678.243.981	(415.370.759)
31	11. Thu nhập khác	28	40.385.272	707.337.822
32	12. Chi phí khác	29	43.708.480	286.729.347
40	13. Lợi nhuận khác		(3.323.208)	420.608.475
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.674.920.773	5.237.716
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.674.920.773	5.237.716
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	511	1

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



Phan Thị Nha Trang  
 Người lập

Trần Thị Thanh Nhạn  
 Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng  
 Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		62.772.051.327	52.892.204.025
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(40.285.131.108)	(37.981.131.983)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6.696.808.925)	(7.299.386.087)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(11.549.221)	(577.068.055)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		796.087.121	883.907.567
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.156.891.367)	(1.514.002.498)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>14.417.757.827</b>	<b>6.404.522.969</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	55.000.000
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(43.137.000.000)	(17.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		21.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		798.682.546	542.174.715
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(21.338.317.454)</b>	<b>(16.902.825.285)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		8.831.800.399	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(7.105.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>8.831.800.399</b>	<b>(7.105.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>1.911.240.772</b>	<b>(17.603.302.316)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>10.176.461.528</b>	<b>34.947.683.888</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.038.360	(3.305.207)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>12.089.740.660</b>	<b>17.341.076.365</b>



Phan Thị Nha Trang  
Người lập



Trần Thị Thanh Nhận  
Kế toán trưởng



  
Lê Tất Hưng  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2021



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 06 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 86.000.000.000 đồng; tương đương 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 72 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 75 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyên, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên.
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Trong 6 tháng đầu năm 2021, nhờ vào sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động vận tải biển trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng cũng như năng lực quản lý khai thác ngày tàu vận hành được nâng cao nên hoạt động kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Thông tin chi tiết xem thêm tại các Thuyết minh số 22 và 23.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có đơn vị trực thuộc là chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực dịch vụ vận tải.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

### 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

### 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm kế toán	03 năm

### 2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

### 2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.19 . Doanh thu

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu cho thuê tàu biển được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### **2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

### **2.23 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	400.114.597	703.583.659
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.189.626.063	4.972.877.869
Các khoản tương đương tiền	7.500.000.000	4.500.000.000
	<u>12.089.740.660</u>	<u>10.176.461.528</u>

Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 7.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,5%/năm đến 3,75%/năm.

## 4 . ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	43.137.000.000	-	21.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	43.137.000.000	-	21.000.000.000	-
	<u>43.137.000.000</u>	<u>-</u>	<u>21.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 30/06/2021, khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 43.137.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,45%/năm đến 5,9%/năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH MTV Tâm Minh Đức	604.107.500	-	538.757.000	-
Công ty Cổ phần Logistics Mặt trời Phương Đông	1.098.111.865	-	1.063.691.803	-
Woongji Shipping Company Limited	1.363.679.770	-	1.391.455.410	-
Phải thu khách hàng khác	586.585.540	(268.201.630)	1.226.671.041	(268.201.630)
	<u>3.652.484.675</u>	<u>(268.201.630)</u>	<u>4.220.575.254</u>	<u>(268.201.630)</u>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Việt Long	-	-	135.030.304	-
Guangxi Newnormal Int'l Logistics Co.,LTD	-	-	147.347.200	-
PT. DJAKARTA LLOYD (PERSERO)	-	-	260.822.502	-
Trả trước cho người bán khác	100.412.639	-	46.128.608	-
	<u>100.412.639</u>	<u>-</u>	<u>589.328.614</u>	<u>-</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Tòa nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	519.931.255	-	341.642.466	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	4.271.756	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	2.936.943	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	367.118	-
Tạm ứng	569.787.455	-	438.527.630	-
Phải thu khác	111.817.178	-	86.777.189	-
	<b>1.205.807.644</b>	<b>-</b>	<b>870.251.346</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	95.500.000	-	95.500.000	-
	<b>95.500.000</b>	<b>-</b>	<b>95.500.000</b>	<b>-</b>

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
- Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Dịch vụ Vạn Xuân	185.771.630	-	185.771.630	-
- Công ty Cổ phần Vật tư Kim khí Tiến Ngọc	82.430.000	-	82.430.000	-
	<b>268.201.630</b>	<b>-</b>	<b>268.201.630</b>	<b>-</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.169.564.839	-	4.299.440.669	-
	<b>5.169.564.839</b>	<b>-</b>	<b>4.299.440.669</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Phương tiện vận</u> VND	<u>Thiết bị, dụng</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	154.197.570.327	35.409.431	154.232.979.758
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>154.197.570.327</u>	<u>35.409.431</u>	<u>154.232.979.758</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	102.300.288.234	35.409.431	102.335.697.665
- Khấu hao trong kỳ	6.306.539.016	-	6.306.539.016
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>108.606.827.250</u>	<u>35.409.431</u>	<u>108.642.236.681</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	51.897.282.093	-	51.897.282.093
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<u>45.590.743.077</u>	<u>-</u>	<u>45.590.743.077</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.409.431 đồng.

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Giá trị quyền sử</u> <u>dụng đất (*)</u> VND	<u>Phần mềm kế toán</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	7.255.296.000	55.000.000	7.310.296.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>7.255.296.000</u>	<u>55.000.000</u>	<u>7.310.296.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	542.115	542.115
- Khấu hao trong kỳ	-	9.166.668	9.166.668
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>-</u>	<u>9.708.783</u>	<u>9.708.783</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	7.255.296.000	54.457.885	7.309.753.885
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<u>7.255.296.000</u>	<u>45.291.217</u>	<u>7.300.587.217</u>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.225.296.000 đồng.

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích đất 595 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm tàu	568.500.746	490.726.612
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.669.091	-
	<u>575.169.837</u>	<u>490.726.612</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Tranco Sky	2.051.207.603	3.809.385.539
	<u>2.051.207.603</u>	<u>3.809.385.539</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	1.440.484.925	1.440.484.925	851.305.004	851.305.004
Wongsamut Ocean Shipping Co., Ltd	1.477.571.736	1.477.571.736	1.122.406.050	1.122.406.050
KPI Oceanconnect Pte Ltd	2.125.936.000	2.125.936.000	2.404.027.683	2.404.027.683
Công ty Cổ phần Vận tải Bình Minh HD	665.789.985	665.789.985	-	-
Fratelli Cosulich Bunkers (HK) Ltd	1.954.936.800	1.954.936.800	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.057.115.888	1.057.115.888	3.352.055.346	3.352.055.346
	<b>8.721.835.334</b>	<b>8.721.835.334</b>	<b>7.729.794.083</b>	<b>7.729.794.083</b>

**14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Shengfa Shipping (HongKong) Company Limited	187.431.993	188.137.660
Hemisphere Transport Holding Limited	12.315.781	12.315.781
Hemisphere Trading and Transport Co., Ltd	21.843.489	-
	<b>221.591.263</b>	<b>200.453.441</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	103.582.749	-	-	-	-	-	103.582.749	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	44.110.917	(20.992.350)	-	16.607.917	-	-	-	6.510.650	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	4.463.000	-	4.463.000	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-	-	-
	<b>103.582.749</b>	<b>44.110.917</b>	<b>(13.529.350)</b>		<b>24.070.917</b>		<b>103.582.749</b>		<b>6.510.650</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	4.644.708	-
- Chi phí vận chuyển nội địa, cảng phí phải trả	272.785.743	148.131.908
- Chi phí phải trả khác	59.400.000	-
	<b>336.830.451</b>	<b>148.131.908</b>

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	-	13.786.812
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	30.478.969	30.478.969
- Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa	143.261.906	98.569.556
- Phải trả thuyền viên về bảo hiểm bồi thường tai nạn	-	580.500.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.358.228	4.634.370
	<b>179.099.103</b>	<b>727.969.707</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**18 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng (*)	-	-	8.831.800.399	6.486.626	8.825.313.773	8.825.313.773
	-	-	<b>8.831.800.399</b>	<b>6.486.626</b>	<b>8.825.313.773</b>	<b>8.825.313.773</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(\*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT166-TRANSCO ngày 20/04/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: kể từ 20/04/2021 đến hết ngày 20/04/2022;
- + Lãi suất cho vay: cụ thể ghi trên từng Giấy nhận Nợ và điều chỉnh khi có Thông báo của Ngân hàng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 8.825.313.773 đồng;
- + Khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

a) <b>Ngắn hạn</b>			
- Dự phòng sửa chữa định kỳ tàu Transco Glory (*)		01/01/2021	
	2.548.330.000	VND	VND
	<b>2.548.330.000</b>		
b) <b>Dài hạn</b>			
- Dự phòng sửa chữa định kỳ tàu Transco Glory (*)			
	-		1.019.332.000
	<b>-</b>		<b>1.019.332.000</b>

(\*) Theo kế hoạch lên đà sửa chữa đã được phê duyệt, tổng chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Glory dự kiến cho giai đoạn từ ngày 01/09/2020 đến ngày 28/02/2023 là 7.645.000.000 đồng. Công ty đang trích số dự phòng phải trả đối với chi phí sửa chữa lớn đều hàng tháng trong vòng 30 tháng theo chu kỳ lên đà sửa chữa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	86.000.000.000	5.007.985.000	8.057.985.173	(5.578.644.012)	93.487.326.161
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	5.237.716	5.237.716
Số dư cuối kỳ trước	86.000.000.000	5.007.985.000	8.057.985.173	(5.573.406.296)	93.492.563.877
Số dư đầu năm nay	86.000.000.000	5.007.985.000	8.057.985.173	(3.411.213.564)	95.654.756.609
Lãi trong kỳ này	-	-	-	4.674.920.773	4.674.920.773
Phân phối lợi nhuận	-	-	108.371.522	(238.417.348)	(130.045.826)
Số dư cuối kỳ này	86.000.000.000	5.007.985.000	8.166.356.695	1.025.289.861	100.199.631.556

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 27/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để phân phối	100,00%	2.167.430.448
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	108.371.522
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,00%	130.045.826
Lợi nhuận chưa phân phối	89,00%	1.929.013.100

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	28.800.000.000	33,49%	28.800.000.000	33,49%
Công ty Cổ phần Transimex	28.364.000.000	32,98%	28.364.000.000	32,98%
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	4.295.800.000	5,00%	4.214.800.000	4,90%
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	4.353.000.000	5,06%	4.231.000.000	4,92%
Các cổ đông khác	20.187.200.000	23,47%	20.390.200.000	23,71%
	86.000.000.000	100%	86.000.000.000	100%

PH. C. T. / 05 //

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.000.000.000	86.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>86.000.000.000</u>	<u>86.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>86.000.000.000</u>	<u>86.000.000.000</u>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.600.000	8.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.600.000	8.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.166.356.695	8.057.985.173
	<u>8.166.356.695</u>	<u>8.057.985.173</u>

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê tài sản văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	546.026.000	202.760.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	270.513.000	-
	<u>816.539.000</u>	<u>202.760.000</u>

**b) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	160.171,94	162.853,47

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	60.438.422.399	51.401.171.331
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.475.804.329	3.064.720.037
	<u>62.914.226.728</u>	<u>54.465.891.368</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn hoạt động vận tải biển	52.892.341.306	48.736.517.853
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.374.282.122	2.783.611.262
	<b>55.266.623.428</b>	<b>51.520.129.115</b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	976.971.335	815.540.468
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	218.137.464	146.538.534
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	12.666.625	5.039.436
	<b>1.207.775.424</b>	<b>967.118.438</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.193.929	558.555.555
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	17.265.046	59.548.961
	<b>33.458.975</b>	<b>618.104.516</b>

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	952.367.220	747.836.220
	<b>952.367.220</b>	<b>747.836.220</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.256.910	28.013.110
Chi phí nhân công	2.287.873.699	2.052.702.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.086.974	115.920.306
Thuế, phí, lệ phí	7.463.000	11.926.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	548.092.335	421.254.864
Chi phí khác bằng tiền	202.535.630	332.494.034
	<b>3.191.308.548</b>	<b>2.962.310.714</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	50.000.000
Tiền phạt thu được	40.385.233	657.101.666
Thu nhập khác	39	236.156
	<b>40.385.272</b>	<b>707.337.822</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Khoản thưởng cho xếp dỡ hàng nhanh	43.708.128	99.645.589
Các khoản bị phạt	-	186.800.270
Chi phí khác	352	283.488
	<b>43.708.480</b>	<b>286.729.347</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.674.920.773	5.237.716
Các khoản điều chỉnh tăng	74.717.280	61.538.567
- Chi phí không hợp lệ	72.000.000	54.000.000
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	2.717.280	7.538.567
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.749.638.053)	(66.776.283)
- Chuyển lỗ các năm trước	(4.749.638.053)	(66.776.283)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(103.582.749)	(103.582.749)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(103.582.749)</b>	<b>(103.582.749)</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.674.920.773	5.237.716
Các khoản điều chỉnh:	(280.495.246)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(280.495.246)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.394.425.527	5.237.716
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.600.000	8.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>511</b>	<b>1</b>

\* Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.300.621.924	21.505.203.847
Chi phí nhân công	10.063.367.089	9.042.075.830
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.315.705.684	6.306.539.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.418.014.894	17.289.843.856
Chi phí khác bằng tiền	1.312.589.605	1.086.613.500
	<b><u>59.410.299.196</u></b>	<b><u>55.230.276.049</u></b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.089.740.660	-	10.176.461.528	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.953.792.319	(268.201.630)	5.186.326.600	(268.201.630)
Các khoản cho vay	43.137.000.000	-	21.000.000.000	-
	<b><u>60.180.532.979</u></b>	<b><u>(268.201.630)</u></b>	<b><u>36.362.788.128</u></b>	<b><u>(268.201.630)</u></b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	8.825.313.773	-
Phải trả người bán, phải trả khác	8.900.934.437	8.457.763.790
Chi phí phải trả	336.830.451	148.131.908
	<b><u>18.063.078.661</u></b>	<b><u>8.605.895.698</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.089.740.660	-	-	12.089.740.660
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.590.590.689	95.000.000	-	4.685.590.689
Các khoản cho vay	43.137.000.000	-	-	43.137.000.000
	<u>59.817.331.349</u>	<u>95.000.000</u>	<u>-</u>	<u>59.912.331.349</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.176.461.528	-	-	10.176.461.528
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.822.624.970	95.500.000	-	4.918.124.970
Các khoản cho vay	21.000.000.000	-	-	21.000.000.000
	<u>35.999.086.498</u>	<u>95.500.000</u>	<u>-</u>	<u>36.094.586.498</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Vay và nợ	8.825.313.773	-	-	8.825.313.773
Phải trả người bán, phải trả khác	8.900.934.437	-	-	8.900.934.437
Chi phí phải trả	336.830.451	-	-	336.830.451
	<u>18.063.078.661</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>18.063.078.661</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.457.763.790	-	-	8.457.763.790
Chi phí phải trả	148.131.908	-	-	148.131.908
	<u>8.605.895.698</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.605.895.698</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . THÔNG TIN KHÁC**

Liên quan đến những thiệt hại phát sinh từ vụ kiện về việc vận chuyển lô hàng phân bón trị giá 781.922,5 USD từ cảng Zhapu, Trung Quốc về cảng Quy Nhơn của tàu Transco Star từ năm 2015, ngày 20 tháng 01 năm 2020, Công ty đã khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phân bón Cửu Long Việt Nam (Công ty Cửu Long) về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đơn kiện của Công ty đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng thụ lý ngày 11 tháng 03 năm 2020 theo vụ án dân sự số 29/2020/TLST-DS. Đến ngày 21/06/2021, Công ty đã nhận được Quyết định xét xử sơ thẩm theo Bản án số 22/2021/DS-ST của Tòa án Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Theo đó, Tòa án Nhân dân Thành phố Hải Phòng đã ra phán quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, đồng thời buộc Công ty Cửu Long bồi thường cho Công ty tổng cộng số tiền 14.370.796.180 đồng cũng như thực hiện thi hành theo quyết định của bản án. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa nhận được khoản tiền thi hành án này từ Công ty Cửu Long.

**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,  
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động vận tải biên VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	60.438.422.399	2.475.804.329	62.914.226.728
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.546.081.093</b>	<b>101.522.207</b>	<b>7.647.603.300</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	55.001.090.204	2.266.568.292	57.267.658.496
Tài sản không phân bổ			66.952.225.318
<b>Tổng tài sản</b>	<b>55.001.090.204</b>	<b>2.266.568.292</b>	<b>124.219.883.814</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	10.802.741.107	1.030.193.263	11.832.934.370
Nợ phải trả không phân bổ			12.187.317.888
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>10.802.741.107</b>	<b>1.030.193.263</b>	<b>24.020.252.258</b>

**Theo khu vực địa lý**

	Trong nước VND	Quốc tế VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.475.804.329	60.438.422.399	62.914.226.728
Tài sản bộ phận	2.266.568.292	55.001.090.204	57.267.658.496
Tài sản không phân bổ			66.952.225.318

**37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan của Công ty như sau:


	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Thu nhập của Giám đốc	211.929.218	184.916.551
Thu nhập của các thành viên khác trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty	210.614.679	204.815.808

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

  
 Phan Thị Nha Trang  
 Người lập

  
 Trần Thị Thanh Nhạn  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Tất Hưng  
 Giám đốc



Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2021